

TINH THẦN ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ VÀ SÁNG TẠO CỦA ĐẢNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)

HUỲNH THANH MỘNG

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

Ngày nhận:

5-4-2022

Ngày thẩm định, đánh giá:

25-5-2022

Ngày duyệt đăng:

6-6-2022

Tóm tắt: Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng đã phát huy được tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo xác định rõ chủ trương và quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước bằng con đường bạo lực cách mạng; tích cực tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa; tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở hai miền Nam- Bắc. Nhờ đó, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã hoàn toàn thắng lợi, đất nước thống nhất.

Từ khóa:

Đảng Lao động Việt Nam; kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; độc lập, tự chủ, sáng tạo

1. Khẳng định quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước bằng con đường bạo lực cách mạng, chiến tranh cách mạng

Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH. Ở miền Nam, Mỹ thay chân Pháp với âm mưu chia cắt lâu dài nước Việt Nam, biến miền Nam thành một quốc gia độc lập thân Mỹ nằm trong “thế giới tự do” và đối lập với phe “cộng sản”, nhằm “ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản ở Đông Nam Á”¹. Sau khi kiện toàn bộ máy chính quyền từ trung ương đến

địa phương, Mỹ và chính quyền Sài Gòn tiến hành các chính sách “tố cộng”, “diệt cộng”, lập “khu trừ mật”, “khu dinh điền” nhằm đánh vào các cơ sở cách mạng, “trả thù những người yêu nước, nhất là những người kháng chiến cũ và những gia đình có người thân đi tập kết ở miền Bắc”². Đặc biệt, tháng 5-1959, chính quyền Sài Gòn ban hành Luật 10/59 nhằm đe dọa và giết hại các chiến sĩ cách mạng ở miền Nam. Chính sách khủng bố tàn bạo của Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã gây tổn thất lớn cho các cơ sở và lực lượng cách mạng ở miền Nam.

Với tinh thần nghiêm túc thực thi Hiệp định Giơnevơ, nhân dân miền Nam chuyển từ *đấu*

tranh vũ trang (trong kháng chiến chống thực dân Pháp) sang *đấu tranh chính trị*, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ. Trước sự khủng bố dã man, tàn bạo của Mỹ và chính quyền tay sai, các tổ chức đảng ở miền Nam đã rút vào hoạt động bí mật, nhiều nơi điều lắng cán bộ, kiên trì bám đất, bám dân lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị, hòa bình, đòi thi hành Hiệp định; đồng thời, chờ đợi những chủ trương mới của Đảng để đưa cách mạng thoát khỏi tình thế hiểm nghèo.

Bên cạnh đó, tình hình quốc tế có nhiều chuyển biến, cùng với những yếu tố thuận lợi của “ba dòng thác cách mạng”, cách mạng Việt Nam đứng trước một số thách thức, bất lợi. Từ giữa những năm 50 của thế kỷ XX, xu thế hòa hoãn trên thế giới xuất hiện. Nhiều quốc gia bị chia cắt khác như Đức, Trung Quốc, Triều Tiên không chủ trương tiến hành đấu tranh cách mạng để thống nhất đất nước. Trong xu thế đó, mặc dù tích cực ủng hộ giúp đỡ Việt Nam xây dựng và bảo vệ miền Bắc nhưng các nước lớn trong hệ thống XHCN có những quan điểm khác nhau về cách mạng Việt Nam và đều không tán thành con đường sử dụng bạo lực để thống nhất đất nước ở Việt Nam. Điều đó tạo ra những bất lợi đối với Đảng và nhân dân Việt Nam trong việc lựa chọn con đường đấu tranh cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Viết về cuộc chiến tranh và cách mạng ở Việt Nam, Phillip B. Davidson đã nhận định: Tình hình trên đặt ra một câu hỏi lớn cho Đảng Lao động Việt Nam là “nên dành bao nhiêu nỗ lực cho đấu tranh chính trị và bao nhiêu cho đấu tranh vũ trang? Câu hỏi này dẫn đến một câu hỏi khác: Cuộc cách mạng đang diễn ra ở giai đoạn nào? Nếu nó ở giai đoạn đầu tiên, thì lý thuyết chiến tranh cách mạng chỉ ra rằng cần nhấn mạnh vào đấu tranh chính trị để xây dựng căn cứ cách mạng trong quần chúng. Nếu chiến tranh ở giai

đoạn sau, thì nên ưu tiên chuyển sang đấu tranh vũ trang?”³.

Tháng 6-1956, Bộ Chính trị tiếp tục xác định hình thức đấu tranh trong toàn quốc là đấu tranh chính trị, nhưng “không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của các giáo phái chống Diệm. Chúng ta chủ trương duy trì và phát triển các lực lượng vũ trang đó đến một mức độ nhất định,...”⁴. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chuyển từ đấu tranh chính trị, hòa bình sang *đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ*, chống những chính sách khủng bố của kẻ thù. Đây là bước đi thận trọng, là bước đệm trong nhận thức về con đường cách mạng phù hợp ở miền Nam.

Từ thực tiễn và yêu cầu bức bách của đồng bào, chiến sĩ miền Nam, năm 1959, HNTU 15 (mở rộng) xác định: Con đường của cách mạng miền Nam là *con đường bạo lực cách mạng*, “đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”⁵. Đây là quyết sách đúng đắn xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, khẳng định con đường độc lập, tự chủ và sáng tạo trong khi tình hình thế giới có những quan điểm khác nhau về con đường thống nhất của Việt Nam và chưa ủng hộ Việt Nam sử dụng con đường bạo lực cách mạng. Hội nghị thông qua Nghị quyết về cách mạng miền Nam đáp ứng nguyện vọng thiết tha của cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Nam, đáp ứng mong muốn thống nhất nước nhà của nhân dân Việt Nam; có tác dụng chỉ đạo vô cùng to lớn đối với phong trào cách mạng miền Nam, thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh cách mạng vốn đã nung nấu trong cán bộ và quần chúng

nhân dân, làm bùng lên phong trào “Đồng khởi”. Thắng lợi của “Đồng khởi” tạo ra bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công; đồng thời, chấm dứt thời kỳ ổn định tạm thời của chế độ thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam, mở ra thời kỳ khủng hoảng của chính quyền Sài Gòn.

Từ đầu năm 1961, Đảng chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng miền Nam, chuyển từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên *chiến tranh cách mạng*. Nhằm tăng cường vai trò của lực lượng vũ trang, Bộ Chính trị đã thông qua các nghị quyết quan trọng vào tháng 2-1962 và tháng 12-1963, đặc biệt là Nghị quyết HNTƯ 9 khóa III (12-1963), trong đó xác định rõ việc tiến công địch bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. Đảng đã khái quát phương châm tiến công của cách mạng miền Nam là: “hai chân, ba mũi, ba vùng”⁶. Từ đây, Đảng Lao động Việt Nam, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam đã xác định đầy đủ, rõ ràng mức độ của đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang ở ba vùng chiến lược: (a) “vùng rừng núi là *lấy đấu tranh vũ trang làm chính*”; (b) “vùng đồng bằng nông thôn là *đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đi đôi*” và “trong những điều kiện nào đó, ở những vùng đồng bằng nào đó, có lúc ta lấy đấu tranh chính trị là chính, hoặc lấy đấu tranh vũ trang là chính”; (c) “vùng đô thị là *đấu tranh chính trị là chính*”, và khi “tình hình phát triển đến mức độ nào đó, trong những điều kiện lực lượng so sánh giữa ta và địch thay đổi có lợi cho ta, thì ta cũng có thể đánh những đòn quân sự có tính chất quyết định ở đô thị”⁷.

Thực hiện các phương châm “hai chân, ba mũi, ba vùng”, với khẩu hiệu “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”⁸ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân miền Nam Việt Nam đã kết hợp giữa

lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chiến dịch tiến công (hoặc phản công) trên từng mặt trận và sự phối hợp tác chiến trên tất cả các mặt trận; từng bước phát huy hình thái chiến tranh cách mạng, xây dựng, phát triển các hình thức tiến công (tiến công chiến lược, tổng tiến công chiến lược, tiến công và nổi dậy, tổng tiến công và nổi dậy), các loại hình chiến tranh (chiến tranh du kích, chiến tranh chính quy), với nhiều cách đánh (tập trung, phân tán; tiêu diệt, tiêu hao; nghi binh, rộng khắp và hiểm hóc), gắn với các quyết sách (chiến lược, sách lược) trên các mặt trận (chính diện, cạnh sườn, sau lưng). Điều đó đã tạo thành một hình thái chiến tranh nhân dân - một hình thái chiến tranh không phân tuyến, đánh địch theo ý muốn của ta, vây hãm kẻ thù vào thế trận do ta chọn và từng bước đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của Mỹ, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đến thắng lợi hoàn toàn.

2. Tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế

Trong quan hệ tam giác Việt Nam - Liên Xô - Trung Quốc, “đối với Liên Xô, vấn đề quan tâm nhất của họ là hòa hoãn với Mỹ. Còn đối với Trung Quốc, họ muốn kéo dài cuộc chiến tranh Việt Nam, để thông qua đó kim chân Mỹ và Liên Xô. Khác với Liên Xô và Trung Quốc, lợi ích quốc gia của Việt Nam không có gì khác là độc lập dân tộc, giải phóng đất nước và thống nhất Tổ quốc”⁹. Với việc giương cao, khẳng định con đường giải phóng miền Nam bằng bạo lực cách mạng, Việt Nam đã thành công trong việc đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên hàng đầu, thể hiện quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân trong việc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; đồng thời từng bước làm cho các nước thay đổi

quan điểm về con đường cách mạng của Việt Nam: từ chỗ chưa tán thành, đã từng bước chấp nhận và viện trợ cho Việt Nam tiến hành bạo lực cách mạng để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Việt Nam sử dụng sáng tạo vấn đề viện trợ như một giải pháp gắn con đường bạo lực cách mạng, chiến tranh cách mạng của Việt Nam với lợi ích chiến lược của Liên Xô và Trung Quốc. Điều đó đã trở thành phương thức duy trì sự cân bằng chiến lược trong quan hệ tam giác Việt Nam - Liên Xô - Trung Quốc. Khi so sánh với các nước XHCN thì hầu hết các nước đều ngả hẳn về bên này để chống bên kia, còn Việt Nam lại “thành công trong chiến lược cân bằng các mối quan hệ giữa các nước lớn, trước hết là với Liên Xô và Trung Quốc”¹¹.

Trong bối cảnh mới, Đảng đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào tình hình thực tiễn cách mạng Việt Nam, chủ trương thống nhất đất nước bằng con đường bạo lực cách mạng, không thỏa hiệp xuôi theo xu hướng hòa hoãn; không chấp nhận sự chia cắt đất nước để cùng “tồn tại hòa bình” như ở Đức, Triều Tiên. Trong bối cảnh các nước XHCN có sự rạn nứt, việc khẳng định con đường bạo lực cách mạng của Việt Nam đã trở thành điểm nổi bật trong mối quan hệ giữa Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc, gắn lợi ích của cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà của Việt Nam với lợi ích chiến lược của Liên Xô và Trung Quốc, tranh thủ được sự ủng hộ về tinh thần và vật chất của cả

Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN khác vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.

3. Tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược, vận hành hai hệ thống quy luật cách mạng khác nhau ở hai miền đất nước

Thực tiễn cách mạng ở hai miền Nam, Bắc Việt Nam và bối cảnh phức tạp của tình hình thế giới sau năm 1954 đã đặt ra cho Đảng Lao động Việt Nam một bài toán “là ưu tiên hàng đầu được dành cho sự phát triển kinh tế và xã hội của miền Bắc Việt Nam, hoặc là dành cho “giải phóng” miền Nam và sự thống nhất giữa miền Nam với miền Bắc”¹².

Sau khi khẳng định con đường thống nhất đất nước Việt Nam bằng cách mạng bạo lực, tháng 9-1960, Đại hội III của Đảng đã đề ra đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam cũng như phương hướng, nhiệm vụ của mỗi miền. Đó là bước phát triển tư duy của Đảng về đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Miền Bắc hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến hành cách mạng XHCN, đi lên theo con đường CNXH. Nội dung cách mạng XHCN ở miền Bắc là “sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản, tiến hành một cuộc cải biến cách mạng trên tất cả các lĩnh vực, từng bước xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới XHCN, đưa miền

Từ đầu năm 1961, Đảng chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng miền Nam, chuyển từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên chiến tranh cách mạng. Nhằm tăng cường vai trò của lực lượng vũ trang, Bộ Chính trị đã thông qua các nghị quyết quan trọng vào tháng 2-1962 và tháng 12-1963, đặc biệt là Nghị quyết HNTƯ 9 khóa III (12-1963), trong đó xác định rõ việc tiến công địch bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. Đảng đã khái quát phương châm tiến công của cách mạng miền Nam là: “hai chân, ba mũi, ba vùng”.

Bắc dần thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Đồng thời kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, làm thay đổi lực lượng so sánh có lợi cho cách mạng trong phạm vi cả nước, bảo đảm chi viện đắc lực cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam và chuẩn bị sẵn sàng nhằm đánh thắng quân xâm lược nếu chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh ra miền Bắc¹³. Điều đó đòi hỏi phải vận dụng những quy luật của xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, quy luật của cách mạng XHCN trong thời kỳ quá độ. Đây là việc làm khó khăn và mới mẻ đối với Đảng và nhân dân miền Bắc.

Ở miền Nam, trước những hành động xâm lược của đế quốc Mỹ, nền hòa bình ở Việt Nam, Đông Dương và Đông Nam Á bị đe dọa, nhiệm vụ chiến lược của cách mạng miền Nam được Đảng xác định là tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, “kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, làm thất bại chính sách xâm lược và chính sách chiến tranh của chúng, đánh đổ ách thống trị tàn bạo của chúng. Ngoài con đường đó ra, không có con đường nào khác¹⁴”.

Do mỗi miền có nhiệm vụ chiến lược khác nhau, Đảng Lao động Việt Nam phải vận dụng quy luật cách mạng khác nhau. Chiến lược cách mạng XHCN phải vận dụng quy luật của cách mạng XHCN; chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, về sau phát triển thành cuộc chiến tranh cách mạng phải vận dụng quy luật của chiến tranh. Nhiệm vụ chiến lược khác nhau, nên vị trí chiến lược của mỗi miền cũng khác nhau. Đại hội III của Đảng xác định nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc “là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng nước ta và sự nghiệp thống nhất nước nhà, đồng thời nhận rõ tác dụng quyết định

trực tiếp của cách mạng miền Nam trong công cuộc giải phóng miền Nam và thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc¹⁵ và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam “*có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước*”¹⁶. Mặc dù nhiệm vụ chiến lược và vị trí của cách mạng mỗi miền khác nhau, nhưng cách mạng hai miền có quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau và đều nhằm thực hiện một nhiệm vụ chiến lược chung là hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước và tiếp tục đưa cả nước tiến lên CNXH.

Trong mối quan hệ đó, miền Bắc là hậu phương lớn, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam với khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược¹⁷”, “trở thành sức mạnh vật chất to lớn, góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại của dân tộc¹⁸”. Miền Bắc còn là nguồn cổ vũ động viên to lớn về chính trị tinh thần đối với cuộc chiến đấu gian khổ và ác liệt của đồng bào và chiến sĩ ở miền Nam; là nơi tiếp nhận, bảo quản, cải tiến và vận chuyển tới chiến trường miền Nam các loại vũ khí và các phương tiện vật chất khác được chi viện từ các nước XHCN anh em, nối liền hậu phương quốc tế với chiến trường miền Nam. Với việc vận dụng hệ thống quy luật xây dựng XHCN và đấu tranh chống âm mưu và hành động phá miền Bắc của đế quốc Mỹ, từ năm 1965, quân và dân miền Bắc đã chuyển từ “thời bình” sang “thời chiến”, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, “chia lửa” cho chiến trường miền Nam. Đặc biệt, quân và dân miền Bắc đã làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”, đập tan cuộc tập kích bằng máy bay B.52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng (12-1972).

Những chiến công của quân và dân miền Bắc đã góp phần buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, ngồi vào bàn đàm phán và ký kết Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Miền Nam là tiền tuyến lớn, trực tiếp đấu tranh chống đế quốc và chính quyền tay sai của Mỹ, đánh bại lần lượt các chiến tranh thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ, góp phần bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; đồng thời, cổ vũ về quân sự, động viên về chính trị, tinh thần đối với cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc. Hai hệ thống quy luật, hai chiến lược cách mạng khác nhau đã được Đảng Lao động Việt Nam vận dụng sáng tạo, làm nên thắng lợi của từng miền và thắng lợi của cả nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 - điểm hội tụ quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân hai miền Nam, Bắc, của sức mạnh và trí tuệ Việt Nam, đã đánh dấu kết thúc thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Như vậy, với đặc điểm đất nước tạm thời bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau và trước diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế, Đảng Lao động Việt Nam đã phát huy cao độ tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo để xác định đường lối chiến lược chung cũng như đường lối chiến lược cách mạng cụ thể của mỗi miền trong thời kỳ mới. Đảng Lao động Việt Nam không chiều theo xu thế quốc tế lúc bấy giờ là chấp nhận sự chia cắt đất nước, mà đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, chủ trương dùng bạo lực cách mạng để thống nhất đất nước, khẳng định quyết tâm chống Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam. Trong quá trình tiến hành bạo lực cách mạng, Việt Nam đã thực hiện đường lối đối ngoại khôn khéo để duy trì sự cân bằng chiến lược giữa Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc. Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước, tiến hành đồng

thời hai chiến lược cách mạng khác nhau, vận dụng đồng thời hai hệ thống quy luật cách mạng khác nhau (cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam). Đó là những đặc điểm lớn, độc đáo của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ 1954-1975.

1. Kevin Ruane: *War and revolution in Vietnam, 1930-75*, UCL Press, London, 1998, p. 37

2. Vũ Quang Hiến: “Điều kiện bùng nổ phong trào Đồng Khởi ở miền Nam Việt Nam 1959-1960”, trong cuốn: *Phong trào Đồng Khởi 50 năm nhìn lại*, Nxb CTQG, H, 2010, tr. 19

3, 12. Phillip B. Davidson: *Vietnam at war-History: 1946-1975*, Presidio Press, Novato, CA, 1988, p. 287, 287

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 17, tr. 225

5. *Sđđ*, 2002, T. 20, tr. 82

6. Nguyễn Đình Lê: “Tìm hiểu về đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng trong cách mạng Việt Nam”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 6, 2005, tr. 35

7. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 24, tr. 834-836

8. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 15, tr. 131

9, 10, 11. Xem: Phạm Quang Minh: *Quan hệ tam giác Việt Nam - Liên Xô - Trung Quốc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*, Nxb Đại học Quốc gia, H, 2014, tr. 289-290, 80, 291

13. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước-Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 137

14, 15, 16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 21, tr. 511, 512, 511

17. *Sđđ*, 2002, T. 26, tr. 645

18. Nguyễn Trọng Phúc: “Sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 4, 2005, tr. 24.